

Bản án số: 63/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26/7/2019

V/v: tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG
TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Minh Châu

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thế Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 69/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc Y, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: số 99/12, đường C.V.A, KP. 3, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn B, sinh năm 1968 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 99/12, đường C.V.A, KP. 3, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2019 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Võ Thị Ngọc Y trình bày: Bà và ông Võ Văn B tự quen nhau, tổ chức lễ cưới vào năm 1989, sau đó hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V.T.V, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/3/1989.

Vợ chồng bắt đầu ph ấ sinh m ầu thuần từ th áng 02/2017 ầm lịch v ầ sống ly th ần từ đó cho đến nay.

Nguyên nh ần m ầu thuần: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ giữa năm 2017 thì hai người thường xảy ra m ầu thuần, chủ yếu là do t ầnh t ầnh kh ồng hợp, bất đồng quan điểm trong c ầch sống, ồng B thường hay ần nhậ, về nh ầ kiểm chuyện chửi mắng vợ con n ần vợ chồng thường xuy ần cự c ầ. Bà đã nhiều lần cố gắng hòa giải h ần gắ t ầnh cảm vợ chồng nhưng kh ồng được mà m ầu thuần ng ầy c ầng trở n ần trầm trọng. Cảm thấy kh ồng thể sống chung với nhau được nữa n ần bà y ầu cầu được ly h ồn với ồng B.

- Về con chung: Có 02 người con chung t ần V ồ B ầnh Th, sinh ng ầy 17/12/1989 v ầ V ồ Thanh Nh, sinh ng ầy 26/11/1999. Các con đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực h ầnh vi d ần sự, c ồ khả năng lao động n ần bà kh ồng y ầu cầu T ồa ần giải quyết.

- Về t ầ sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, kh ồng y ầu cầu T ồa ần giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Y xác định kh ồng c ồ, kh ồng y ầu cầu T ồa ần giải quyết.

Bà Y cam kết ly h ồn kh ồng nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ về t ầ sản v ầ nợ đối với người kh ầc.

- **Tại bi ầ bản lầ lời khai và đơn xin v ầng mặt lập ng ầy 03/6/2019, bị đơn – ồng V ồ Văn B tr ầnh b ầ:** Ông v ầ bà V ồ Thị Ngọc Y tự quen biết, yêu thương nhau, c ồ tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết h ồn, được Ủy ban nh ần d ần phường V.T.V, th ầnh phố RG, tỉnh Ki ần Giang cấp giấy chứng nhận kết h ồn v ầo ng ầy 22/3/1989. Trong qu ầ tr ầnh chung sống, vợ chồng c ồ 02 người con chung t ần V ồ B ầnh Th, sinh năm 1989 và V ồ Thanh Nh, sinh năm 1999. Vợ chồng m ầu thuần chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong c ầch sống, thường xuy ần cự c ầ v ầ kh ồng hiểu nhau, quan t ần đến nhau n ần đã sống ly th ần từ năm 2016 đến nay. Ông c ồ ý kiến trong vụ ần n ầy như sau:

Về h ồn nh ần: Đồng ý ly h ồn theo y ầu cầu của bà Y.

Về con chung: Các con đã trưởng th ầnh n ần ồng kh ồng y ầu cầu T ồa ần giải quyết.

- Về t ầ sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, kh ồng y ầu cầu T ồa ần giải quyết.

- Về nợ chung: Kh ồng c ồ, kh ồng y ầu cầu T ồa ần giải quyết.

- **Tại phi ần t ồa, đại diện Viện kiểm s ầ nh ần d ần th ầnh phố RG ph ầ biểu quan điểm:**

Về việc tu ần theo ph ầp luật: Từ khi thụ lý vụ ần cho đến thời điểm mở phi ần t ồa h ồn nay, Thẩm ph ần, Hội đồng x ầ xử cũng như Thư ký phiên t ồa đã thực hiện về cơ bản là đúng tr ầnh tự, thủ tục theo quy định của ph ầp luật tổ tụng d ần sự. Những

người tham gia phiên tòa đã chấp hành tốt, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Y đối với ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghịên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – bà Võ Thị Ngọc Y yêu cầu ly hôn với bị đơn – ông Võ Văn B nhân quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

[3] Bị đơn – ông Võ Văn B có đơn xin vắng mặt toàn bộ các giai đoạn tố tụng của Tòa án và đã vắng mặt tại phiên tòa hôm nay. Nguyên đơn – bà Võ Thị Ngọc Y yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn – ông Võ Văn B.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Bà Y và ông B tự quen nhau, sau đó quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V.T.V, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/3/1989; như vậy, việc kết hôn của bà Y và ông B đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Y và ông B đều thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn; bà Y cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, ông B thường hay ăn nhậu, về nhà kiểm chuyện chửi mắng vợ con nên vợ chồng thường xuyên cự cãi; ông B thì cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cách sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi và không hiểu nhau, quan tâm đến nhau nên đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Hiện nay bà Y

và ông B xác định giữa hai người đều không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng nên ông, bà thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng do ông B vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không thể công nhận thuận tình ly hôn cho bà Y và ông B. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Y và ông B không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài và việc bà Y, ông B đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Ngọc Y và ông Võ Văn B.

[2] Về con chung: 02 người con chung tên Võ Bình Th, sinh ngày 17/12/1989 và Võ Thanh Nh, sinh ngày 26/11/1999 đều đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên bà Y và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng không xem xét.

[3] Về tài sản chung, Bà Y và ông B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà Y và ông B xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn – bà Võ Thị Ngọc Y.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – bà Võ Thị Ngọc Y phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà Y đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000483, ngày 22/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên bà Y không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Võ Thị Ngọc Y, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc Y được ly hôn với ông Võ Văn B.
- Về con chung: 02 người con chung tên Võ Bình Th, sinh ngày 17/12/1989 và Võ Thanh Nh, sinh ngày 26/11/1999 đều đã trưởng thành, bà Y và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.
- Về tài sản chung, Bà Y và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.
- Về nợ chung: Bà Y và ông B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn – bà Võ Thị Ngọc Y phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng mà bà Y đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000483, ngày 22/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên bà Y không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. RG;
- Chi cục THA dân sự TP. RG;
- Các đương sự;
- UBND phường V.T.V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân

